TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2024/HNGĐ-ST
Ngày 11 tháng 6 năm 2024
"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Hương;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;

Bà Nguyễn Thị Phẩm.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Bà Vũ Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2024 về việc: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1992.

HKTT: Khu X, xã V L, huyện L T, tỉnh Phú Thọ.

Địa chỉ hiện nay: Thôn T, xã C Đ, huyện C G, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hồng T, sinh năm 1992.

HKTT: Khu X, xã V L, huyện L T, tỉnh Phú Thọ.

Hiện đang ở Đài Loan.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1961 và bà Lý Thị P, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Khu X, xã V L, huyện L T, tỉnh Phú Thọ.

(Chị Nguyễn Thị N, Ông Nguyễn Văn T và bà Lý Thị P có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Hồng T vắng mặt lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 18/12/2023, bản tự khai và quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và Anh T kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V L, huyện L T, tỉnh Phú Thọ ngày 17/11/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau không được hòa thuận, đến ngày 20/12/2014 Anh T đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan thì vợ chồng ngày càng mâu thuẫn. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị ly hôn Anh T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 31/5/2015 và cháu Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 12/6/2018. Chị đề nghị Tòa án cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, Anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Trong thời gian Anh T ở nước ngoài, chị đồng ý giao cháu N cho Ông Nguyễn Văn T và bà Lý Thị P (Là bố mẹ đẻ Anh T) trực tiếp nuôi dưỡng. Chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng Anh T và Ông T, bà P trong thời gian Ông T, bà P thay mặt Anh T nuôi dưỡng cháu N.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị N xác định vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn: Anh Nguyễn Hồng T hiện đang ở nước ngoài thể hiện tại công văn số: 35623/QLXNC-P5 ngày 28/12/2023 và Danh sách khách xuất nhập cảnh ngày 28/12/2023 của Cục quản lý xuất nhập cảnh xác định Anh T xuất cảnh lần gần nhất ngày 30/12/2018, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do Chị N không biết địa chỉ của Anh T ở đâu tại nước ngoài nên Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của Ông Nguyễn Văn T và bà Lý Thị P (Là bố, mẹ đẻ Anh T) và được Ông T và bà P cung cấp như sau: Hiện tại Anh T đang ở Đài Loan nhưng địa chỉ cụ thể ông, bà không biết. Gia đình và Anh T vẫn thường xuyên liên lạc qua điện thoại Zalo, Facebook, Ông T và bà P đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho Anh T và yêu cầu ông, bà cung cấp địa chỉ của Anh T ở nước ngoài, ông, bà đã thông báo cho Anh T biết xong Anh T không cung cấp địa chỉ cho ông, bà để cung cấp cho Tòa án. Thông qua điện thoại ông, bà đã trao đổi nội dung Chị N xin ly hôn Anh T và Anh T nhất trí ly hôn theo yêu cầu của Chị N.

Về con chung: Ông T và bà P xác định Chị N và Anh T có một con chung là cháu Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 31/5/2015 còn cháu Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 12/6/2018 là con riêng của Chị N và người khác. Anh T có quan điểm đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quỳnh N. Trong thời gian Anh T ở nước ngoài thì tạm giao cho Ông T và bà P thay mặt Anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Ông T và bà P nhất trí là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N

sau khi Chị N và Anh T ly hôn. Sau khi Anh T về nước thì ông, bà có trách nhiệm giao cháu N cho Anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông, bà không đề nghị Chị N, Anh T phải cấp dưỡng nuôi cháu N cùng ông, bà trong thời gian anh chị ở nước ngoài.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của Chị N và Anh T Ông T và bà P không có ý kiến và không có đề nghị gì liên quan đến quyền lợi của mình.

* Cháu Nguyễn Quỳnh N trình bày: Cháu có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến về những nội dung sau:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 51, 53, 56. Điều 81. 82, 83, 123 Luật HNGĐ năm 2014; ; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; Điều 37; khoản 4 Điều 147, Điều 479 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử:

- Cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn Anh Nguyễn Hồng T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 12/6/2018 cho Chị N nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 31/5/2015 cho Anh T nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con chung được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Trong thời gian Anh T ở nước ngoài, tạm giao cháu N cho Ông Nguyễn Văn T và bà Lý Thị P (là bố mẹ đẻ Anh T) ở Khu X, xã V L, huyện L T, Phú Thọ nuôi dưỡng chăm sóc, khi nào Anh T về nước sẽ giao lại các cháu N cho Anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không yêu cầu nên không giải quyết.

- Về án phí: Chị N phải chịu toàn bộ án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn Anh Nguyễn Hồng T đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã V L, huyện L T, tỉnh Phú Thọ. Theo Công văn số: 35623/QLXNC-P5 ngày 28/12/2023 và danh sách khách xuất nhập cảnh ngày 28/12/2023 của Cục quản lý xuất nhập cảnh xác định Anh T xuất cảnh lần gần nhất ngày 30/12/2018, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Trong vụ án này Anh T không có mặt ở Việt Nam nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị N khởi kiện xin ly hôn với Anh T nhưng chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của Anh T mà không cung cấp được địa chỉ cụ thể của Anh T ở nước ngoài. Tòa án đã thông qua thân nhân của Anh T là Ông Nguyễn Văn T và bà Lý Thị P (Bố, mẹ đẻ Anh T) thì thấy gia đình đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không biết địa chỉ cụ thể của Anh T tại nước ngoài, bản thân Anh T không cung cấp địa chỉ mặc dù đã được Ông T, bà P thông báo. Căn cứ công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao cần xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Tại phiên tòa Chị N, Ông T và bà P vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N và Anh T đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã V L, huyện L T, tỉnh Phú Thọ ngày 17/11/2014. Vì vậy, đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau một thời gian chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh T. Mặc dù Anh T không có lời khai xong thông qua Ông T, bà P là bố, mẹ đẻ Anh T cung cấp quan điểm của Anh T cũng nhất trí ly hôn với Chị N. Bên cạnh đó, thấy rằng Anh T và Chị N là vợ chồng nhưng đến nay đã không còn liên lạc, có trách nhiệm, quan tâm nhau. Do vậy, có căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị N và Anh T đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xử cho Chị N được ly hôn Anh T là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Chị N và Anh T có hai con chung là cháu Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 31/5/2015 và cháu Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 12/6/2018. Chị N đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tuấn K, Anh T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quỳnh N. Trong thời gian Anh T ở nước ngoài, tạm giao cháu N cho Ông T, bà P thay mặt Anh T nuôi dưỡng cháu N cho đến khi Anh T về nước đón cháu. Theo bố mẹ đẻ Anh T là Ông T, bà P trình bày Anh T cũng đồng ý quan điểm về việc nuôi con chung như trên. Ông T và bà P đồng ý sẽ tạm thời chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N trong thời gian Anh T ở nước ngoài và tự nguyện không yêu cầu Chị N, Anh T phải cấp dưỡng nuôi dưỡng cháu cùng ông, bà.

Xét thấy: Nguyện vọng của Chị N đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tuấn K, Anh T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quỳnh N là nguyện vọng chính đáng của người làm cha mẹ. Ông T và bà P đủ điều kiện để thay mặt Anh T chăm sóc nuôi dưỡng cháu N trong thời gian anh vắng mặt. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các cháu và đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho các cháu cả về thể chất và tinh thần, cũng như ổn định cuộc sống của các cháu cần giao cháu Nguyễn Tuấn K cho Chị N, cháu Nguyễn Quỳnh N cho Anh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên. Trong thời gian Anh T ở nước ngoài tạm giao cháu N cho Ông T, bà P nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các bên đương sự và quy định của pháp luật. Khi nào Anh T về nước Ông T, bà P có trách nhiệm giao lại cháu N cho Anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung. Do Anh T hiện đang ở nước ngoài, không có quan điểm nên tòa án không xem xét giải quyết. Các đương sự có quyền yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con bằng một vụ án khác nếu có tranh chấp. Tại tòa, Ông T và bà P không yêu cầu Chị N, Anh T phải cấp dưỡng nuôi cháu N trong thời gian ông bà được tạm giao nuôi dưỡng, đây là sự tự nguyện, cần được xác nhận.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Ông T, bà P trình bày cháu Nguyễn Tuấn K là con riêng của Chị N và người khác nhưng không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh cháu K là con riêng của người khác.

Xét thấy: về mặt pháp lý, cháu K được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân của Anh T, Chị N. Mặt khác, trên giấy khai sinh của cháu Nguyễn Tuấn K, ghi họ, chữ đệm, tên người cha là Nguyễn Hồng T, người đi khai sinh là Ông Nguyễn Văn T (Bố của Anh T). Anh T không có mặt ở Việt Nam nên không có tài liệu, chứng cứ gì khác để xác định cháu Nguyễn Tuấn K không phải là con chung của Anh T và Chị N. Căn cứ vào khoản 1 điều 88 Luật hôn nhân gia đình, xác định cháu Nguyễn Tuấn K là con chung của Chị N và Anh T. Anh T có quyền yêu cầu xác định cha cho con bằng một vụ án khác, nếu có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị N, Anh T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 88 và Điều 123 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn Anh Nguyễn Hồng T.

[2] Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 12/6/2018 kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu thành niên.

Giao cho Anh Nguyễn Hồng T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 31/5/2015 kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu thành niên.

Trong thời gian Anh T ở nước ngoài, tạm giao cháu Nguyễn Quỳnh N cho Ông Nguyễn Văn T và bà Lý Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi Anh T về nước đón cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con: chưa đặt ra giải quyết vì Anh T không có mặt tại tòa.

Xác nhận Ông Nguyễn Văn T và bà Lý Thị P không yêu cầu Chị N, Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Quỳnh N trong thời gian ông bà được tạm giao nuôi dưỡng cháu.

Chị N và Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận Chị N đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0000100 ngày 11/01/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

[5] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Đương sự ở Việt Nam có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Đương sự cư trú ở nước ngoài có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (Một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh Lại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thùy Hương